

Bản án số: 02/2025/HC-PT
Ngày 24-4-2025
V/v khiếu kiện quyết định
xử phạt vi phạm hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Thị Thuý Hà

Ông Nguyễn Quang Kiên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thuý Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2025/TLPT-HC ngày 10 tháng 3 năm 2025 về khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và các văn bản có liên quan do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXPT-HC ngày 14 tháng 3 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2025/QĐ-PT ngày 10/4/2025 giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Đặng Thị M; nơi cư trú: Tổ dân phố 10, thị trấn B, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt;

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Minh Châu, luật sư Văn phòng luật sư Minh Châu & Cộng Sự, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thị trấn B; địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện C, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Trọng Hiệu - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Vũ Đình H, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 117 đường Cái Bèo, thị trấn B, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt;

Người đại diện theo Ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Đình H: Bà Phạm Duy Ly, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 302H3 ngõ 59 Lê Gia Định, phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; có mặt;

2. Anh Vũ Quốc Đ, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 375 Ngõ Gia Tự, phường Đằng Lâm, quận A, thành phố Hải Phòng; có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H và anh Đ: Bà Nguyễn Thị Minh Châu, luật sư Văn phòng luật sư Minh Châu & Cộng Sự, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện trình bày:

Bà Đặng Thị M xây dựng gia đình với ông Vũ Văn Sinh năm 1985 và có hai người con là anh Vũ Đình H, sinh năm 1986 và anh Vũ Quốc Đ, sinh năm 1994. Năm 1994 vợ chồng bà khai phá đất hoang trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ đến năm 1997 ông Sinh làm thủ tục đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2000, vợ chồng bà được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 110.000 m² vị trí tại Áng Khe Thùng, thị trấn B, loại đất lâm nghiệp, thời hạn giao 50 năm mang tên ông Vũ Văn Sinh. Năm 2003, Ủy ban nhân dân thị trấn B có giao thêm cho gia đình bà một diện tích đất, biên bản làm việc có ghi rõ vị trí, mốc giới và gia đình bà đã trồng cây sưa để phủ xanh đất trống và làm kinh tế vườn. Ngày 04/8/2020 ông Sinh nhận được Quyết định 2366/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện C (sau đây gọi là Quyết định 2366) về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 110.000 m² đã được nhà nước thu hồi theo Quyết định 1271/QĐ- UBND ngày 29/4/2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (sau đây gọi là Quyết định 1271). NH trước đó ông Sinh không nhận được quyết định 1271. Ông Sinh gửi đơn khiếu nại Quyết định 2366/QĐ-UBND đến UBND huyện C, sau đó nhận được Quyết định 3171/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C bác đơn khiếu nại của chồng bà (sau đây gọi là Quyết định 3171). Thời gian sau ông Sinh đã khởi kiện các Quyết định 2366/QĐ-UBND và 3171/QĐ-UBND ra Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Ngày 24/9/2021, Tòa án đã đình chỉ vụ án. Ngày 17/12/2021 ông Sinh mất.

Sau khi ông Sinh mất gia đình bà mới biết vụ việc ông Sinh khiếu kiện và ngày 22/4/2022 anh Vũ Quốc Đ làm đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy quyết định số 1271/QĐ-UBND, đến ngày 14/02/2023 anh Đ tiếp tục yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 2366/QĐ-UBND và 3171/QĐ-UBND và Quyết định 806/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thu hồi đất của Công ty Hà Phú giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên Môi trường Hải Phòng quản lý (sau đây gọi là Quyết định 806), hiện tại gia

đình bà đang theo đuổi vụ kiện tại Tòa án cấp cao tại Hà Nội. Bên cạnh đó gia đình bà cũng làm đơn tố cáo gửi các cơ quan có thẩm quyền với lý do quá trình thu hồi đất của gia đình bà có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Trong khi hai vụ kiện hành chính, 01 vụ tố cáo chưa giải quyết xong thì Ủy ban nhân dân thị trấn B ban hành Quyết định số 15/QĐ-XPHC ngày 15/01/2024 (sau đây gọi là Quyết định số 15) xử phạt bà M về hành vi “Vào hồi 14h15' ngày 05/01/2021 bà M có hành vi Đưa các vật khác lên đất của người khác gây cản trở cho việc sử dụng đất của người khác, cụ thể là đưa 530 cây (gồm sưa, quất hồng bì, keo, nhãn, chuối, lát, bưởi..) vào thửa đất của Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên Môi trường Hải Phòng quản lý (376 cây trên diện tích 11ha) và đất của Ủy ban nhân dân thị trấn B (154 cây trên diện tích 0,09ha).

Quyết định số 15 xử phạt hành chính đối với bà M là sai đối tượng: Bởi lẽ, người trồng cây là chồng bà, ông Vũ Văn Sinh. Từ năm 1992 cho đến khi mất, ông Sinh là người trực tiếp trồng số cây trên phần đất 11 ha đã được cấp sổ đỏ. Ông còn thuê thợ để trồng và chăm sóc cây, bà và các con chỉ là người phụ giúp. Khi các con trưởng thành ra ở riêng và năm 2021 ông Sinh mất thì bà là người trực tiếp trông coi, chăm sóc vườn cây và canh tác trên thửa đất vì vậy Quyết định số 15 xác định bà là đối tượng vi phạm là sai đối tượng vi phạm.

Quyết định số 15 xử phạt vi phạm hành chính là không có căn cứ vì không có hành vi vi phạm, cụ thể như sau:

Tại Mục 2 Quyết định 15 có nêu: "Vào hồi 14 giờ 15' ngày 05/01/2024, bà M đã có hành vi 'Đưa các vật khác lên thửa đất của người khác gây cản trở việc sử dụng đất của người khác' (cụ thể là đưa 530 cây gồm: sưa, quất hồng bì, keo, nhãn, chuối, lát, bưởi... lên thửa đất)."

Tuy nhiên, vào thời điểm này, bà M không có bất cứ hành vi nào như Quyết định 15 quy chụp, số cây trên gia đình bà trồng từ năm 1994, 2003. Bà là một phụ nữ 60 tuổi, vừa mới phẫu thuật cột sống và việc đi lại còn rất khó khăn. Chính Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã phải đến thăm bà vì lý do này. Do đó, nội dung "Đưa các vật khác lên thửa đất của người khác gây cản trở việc sử dụng đất của người khác" là không có thật. Nếu có ai đó trồng 530 cây vào ngày 05/01/2024 như Quyết định 15 nêu, thì bây giờ số cây này đang ở đâu?

Quyết định 15 cho rằng vào ngày 05/01/2024 bà M "đã đưa 376 cây lên thửa đất diện tích 11 ha do Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng quản lý" là sai sự thật. Thực tế, Trung tâm phát triển quỹ đất không hề quản lý đất này. Bằng chứng là số cây gia đình bà trồng liên tục từ năm 1992 đến nay vẫn còn nguyên vẹn. Số cây trên 11 ha đất đó không chỉ có 376 cây như Quyết định 15 quy chụp, mà thực tế đã được xác định là hàng nghìn cây, với tuổi thọ từ 20 đến 30 năm. Số lượng cây và tuổi cây đã được xác định qua

vi bằng mà các con bà M đã lập và gia đình bà đã nộp vi bằng này đến Tòa để chứng minh rằng Quyết định 15 là vô căn cứ.

Quyết định 15 quy chụp bà M "đã đưa 154 cây lên diện tích 0,094 ha đất do UBND thị trấn B, huyện C, thành phố Hải Phòng quản lý" là sai sự thật. Trên thực tế, phần đất này chồng bà M đã được UBND thị trấn giao cho lần thứ hai vào ngày 08/04/2003, có biên bản bàn giao kèm theo. Vào năm 2003, khi đất được giao lần thứ hai, gia đình bà bắt đầu trồng cây trên diện tích được giao. Vì vậy, UBND thị trấn không quản lý đất này, bằng chứng là số cây vẫn còn nguyên và được xác định qua vi bằng.

Về thời hiệu của hành vi vi phạm hành chính: Giả sử việc trồng cây là "vi phạm", thì hành vi này đã diễn ra liên tục từ năm 1992 đến nay. Số cây và tuổi cây đã chứng minh rằng hành vi bị quy chụp đã xảy ra hơn 30 năm. Ngay cả cây trẻ nhất cũng đã 14 tuổi, tức là đã hết thời hiệu xử phạt (02 năm) từ lâu.

Quyết định số 15 xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các con bà do chồng bà đã mất vì uất ức trước những thủ đoạn chiếm đoạt đất đai tài sản, mà bà M và các con trai là những người thừa kế hợp pháp theo pháp luật đối với di sản của chồng bà, bao gồm công trình và cây cối trên đất. Bên cạnh đó, hai người con trai của bà cũng có quyền sở hữu một phần tài sản này do công lao đóng góp trong việc trồng và chăm sóc số cây. Nay Quyết định 15 không chỉ quy chụp sai sự thật mà còn không đề cập đến quyền lợi của các con bà M, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Vì những lẽ trên, bà M có đơn khởi kiện vụ hành chính ra Tòa án nhân dân huyện C.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án, ngày 20/6/2024 UBND thị trấn B ban hành Quyết định số 173/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 15 (sau đây gọi là Quyết định số 173), nH đến ngày 27/8/2024, UBND thị trấn B tiếp tục ban hành Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 27/8/2024 thu hồi Quyết định số 173, mục đích khôi phục hiệu lực của Quyết định số 15 (sau đây gọi là Quyết định số 222).

Tại phiên đối thoại lần 2 và tại phiên tòa, bà M yêu cầu giữ nguyên Quyết định số 173, đề nghị hủy bỏ Quyết định số 222 và Quyết định số 15 của UBND thị trấn B. Đồng thời, bà M yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn B công khai xin lỗi trên cổng thông tin của địa phương trong 03 ngày liên tiếp, bồi thường 30 triệu đồng do mất thu nhập và bồi thường thêm 03 tháng lương tối thiểu (7.020.000 đồng) do tổn thất tinh thần mà Quyết định số 15 đã gây ra đối với gia đình bà M.

Tại phiên tòa người khởi kiện giao nộp bản phô tô Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 07/11/2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn B về việc thi hành cưỡng chế thực hiện quyết định 15 và yêu cầu Tòa án hủy quyết định trên.

Tại phiên tòa người khởi kiện đề nghị miễn án phí hành chính sơ thẩm theo diện người cao tuổi.

* Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án đã gửi bản khai, trình bày:

Ông Vũ Văn Sinh (chồng bà M) được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0088586 ngày 07/12/2000 theo Quyết định số 898/QĐ- UBND ngày 07/12/2000 của UBND huyện C (sau đây gọi là Quyết định 898) đối với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 33, diện tích 110.000m² tại Ấng Khe Thùng, thị trấn B, thời hạn sử dụng đất là 50 năm. Ngày 29/4/2004, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 1271/QĐ-UB thu hồi 110.000m² đất tại Ấng Khe Thùng, thị trấn B giao cho Công ty Cổ phần đầu tư phát triển rừng và kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái Hà Phú để thực hiện dự án xây dựng Làng du lịch Ấng Khe Thùng.

Toàn bộ cây cối, hoa màu và vật kiến trúc trên đất của ông Vũ Văn Sinh đã được Ban đền bù thành phố kiểm kê, bồi thường, hỗ trợ, tổng số tiền là: 428.156.754 đồng; ông Vũ Văn Sinh đã nhận đủ tiền theo Giấy nhận tiền giữa ông Vũ Văn Sinh, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển rừng và kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái Hà Phú, dưới sự chứng kiến của Ban Đền bù thành phố và Ủy ban nhân dân thị trấn B và đã thực hiện việc bàn giao đất cho công ty Hà Phú theo Biên bản xác nhận lập ngày 22/6/2004 giữa ông Vũ Văn Sinh, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển rừng và kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái Hà Phú, dưới sự chứng kiến của Ủy ban nhân dân thị trấn B.

Ngày 11/4/2017, UBND thành phố ban hành Quyết định số 806/QĐ-UBND về việc thu hồi 110.000m² đất của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển rừng và kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái Hà Phú tại thị trấn B, huyện C do vi phạm pháp luật về đất đai, giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng quản lý theo quy định.

Ngày 04/8/2020, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 2366/QĐ- UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Vũ Văn Sinh được cấp theo Quyết định số 898/QĐ-UB ngày 07/12/2000.

Ngày 18/10/2023, Ủy ban nhân dân thị trấn B tiến hành kiểm tra hiện trạng sử dụng đất tại khu vực Ấng Khe Thùng, phát hiện số lượng 350 cây sưa trồng trên diện tích đất do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố và Ủy ban nhân dân thị trấn B quản lý.

Cùng với việc kiểm tra của Ủy ban nhân dân thị trấn B, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã thành lập Tổ công tác để thực hiện kiểm đếm, rà soát, phân loại toàn bộ cây trồng nằm trong khuôn viên 110.000m². Ngày 26/12/2023, của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố ban hành Công văn số 6742/STNMT-

TTPTQĐ có nội dung: "Từ ngày 10/11/2023 đến ngày 23/11/2023, Tổ công tác đã thực hiện kiểm đếm, rà soát, phân loại toàn bộ cây trồng nằm trong khuôn viên 110.000 m² do Trung tâm phát triển quỹ đất đang quản lý, kết quả tổng số cây hiện có là 2.989 cây, bao gồm: 2.613 cây đã có trong phương án bồi thường, 376 cây phát sinh không có trong phương án bồi thường".

- Ngày 26/11/2023, Ủy ban nhân dân thị trấn B làm việc và lập biên bản làm việc số 09/BB-LV với bà Đặng Thị M, trong đó xác định bà M có hành vi chiếm đất phi nông nghiệp (diện tích 134,5m²) và đất nông nghiệp (diện tích 940,7m²) tại khu vực đô thị. Tại buổi làm việc, bà M vắng mặt, có chứng kiến của đại diện khu dân cư.

Căn cứ Biên bản làm việc lập ngày 26/11/2023, vào hồi 16h10 phút ngày 26/11/2023 Công chức Địa chính-Xây dựng-Đô thị Môi trường thị trấn B đã lập biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC đối với bà Đặng Thị M với hành vi "Chiếm đất phi nông nghiệp và đất nông nghiệp tại khu vực đô thị" với diện tích đất vi phạm là 1.075,2m², quy định tại điểm c, khoản 3, điểm a, khoản 4, khoản 5, Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Bà M không ký biên bản, lý do: Bà M đã ủy quyền cho 02 con trai nên bà M không ký tuy nhiên bà M không cung cấp văn bản ủy quyền; buổi làm việc có chứng kiến của đại diện khu dân cư.

Qua xác minh, bà M và ông Vũ Quốc H (là con trai bà M) có lập văn bản ủy quyền cho ông Vũ Quốc Đ đại diện thực hiện quyền khiếu nại Quyết định số 1271/QĐ-UB ngày 22/4/2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, khởi kiện vụ án hành chính (nếu có); không có nội dung ủy quyền quản lý, thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với cây cối, tài sản trên đất tại khu vực Áng Khe Thùng. Ủy ban nhân dân thị trấn B đã mời các cá nhân liên quan là bà M, anh H và anh Đ (con đẻ của bà M) nhđều không tham gia làm việc (Biên bản số 14/BB-UBND ngày 05/12/2023).

Do hành vi vi phạm có áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi vi phạm, không thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B nên ngày 27/11/2023, Ủy ban nhân dân thị trấn B gửi Báo cáo số 1055/BC-UBND kèm hồ sơ xử phạt đến Chủ tịch UBND huyện C để xem xét, ban hành quyết định xử phạt.

Ngày 01/12/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Công văn số 3676/UBND- TP về việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính đối với việc sử dụng đất tại khu vực Áng Bù Nâu và Áng Khe Thùng thuộc địa phận thị trấn B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B đã tiến hành 03 lần xác minh tình tiết vụ việc. Tại biên bản làm việc ngày 21/12/2023, bà M thừa nhận số cây nêu trên do

chồng bà là ông Vũ Văn Sinh trồng từ năm 2015, năm 2021 ông Sinh chết từ đó gia đình bà quản lý trông coi, bảo vệ số cây trên.

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC ngày 26/11/2023 và Biên bản xác minh số 01/BB-XM ngày 05/01/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 15/QĐ-XPHC ngày 05/01/2024 đối với bà Đặng Thị M với hành vi vi phạm hành chính "Đưa các vật khác lên thửa đất của người khác gây cản trở cho việc sử dụng đất của người khác" quy định tại khoản 1, Điều 16, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/01/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Như vậy, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 15/QĐ-XPHC ngày 05/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B đối với bà Đặng Thị M đảm bảo về thời hiệu, thời gian và tuân thủ theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020 và Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

Về xác định đối tượng vi phạm tại Quyết định số 15/QĐ-XPHC ngày 05/01/2024: Tại điểm a, khoản 1 Điều 2 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP quy định đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính: "a) Hộ gia đình, cộng đồng dân cư, cá nhân trong nước, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (sau đây gọi chung là cá nhân)"

Theo quy định nêu trên, đối chiếu với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính tại các biên bản làm việc và biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính đều xác định số cây trồng bổ sung tại khu vực Áng Khe Thùng do ông Sinh (chồng bà M) đã trồng. Tại thời điểm ông Sinh có hành vi vi phạm, ông Sinh đang trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp với bà Đặng Thị M, tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm ông Sinh đã chết nên bà M đang chăm sóc và bảo vệ số cây trồng trên, do đó việc xác định bà Đặng Thị M là đối tượng vi phạm hành chính là có cơ sở.

Về xác định hành vi vi phạm tại Quyết định 15/QĐ-XPHC: Tại Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính số 01/BB-XM do Ủy ban nhân dân thị trấn B lập ngày 05/01/2024, bà Đặng Thị M xác định số lượng cây trồng là 530 cây, trong đó có 350 cây Sưa và khoảng 180 cây khác được ông Sinh và gia đình trồng từ năm 2015, sau khi ông Sinh mất bà M vẫn đang trông coi, bảo vệ số cây trên. Số cây trên được trồng trên diện tích đất do Trung tâm phát triển quỹ đất Sở Tài nguyên Môi trường thành phố và Ủy ban nhân dân thị trấn B quản lý vì vậy Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B xác định bà Đặng Thị M có hành vi vi phạm hành chính "Đưa các vật khác lên thửa đất của người khác gây cản trở cho việc sử dụng đất của người khác" là có cơ sở.

Về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính: Hành vi vi phạm hành chính "Đưa các vật khác lên thửa đất của người khác gây cản trở cho việc sử dụng đất của người khác" quy định tại khoản 1, Điều 16 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày

19/01/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai có hình thức xử phạt chính là "Cảnh cáo" và biện pháp khắc phục hậu quả là "Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm".

Căn cứ điểm a, điểm d, khoản 1, Điều 38, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020:

Điều 38. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền: a) Phạt cảnh cáo;

...d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 28 của Luật này.

Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 15/QĐ-XPHC ngày 05/01/2024 đối với bà Đặng Thị M là đúng thẩm quyền. Đối với ý kiến của của bà M cho rằng Quyết định 15 quy chụp bà M "đã đưa 154 cây lên diện tích 0,094 ha đất do Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, thành phố Hải Phòng quản lý" là sai sự thật vì phần đất này chồng bà M đã được Ủy ban nhân dân thị trấn giao cho lần thứ hai vào ngày 08/04/2003 có biên bản giao kèm theo. Đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn có quan điểm như sau: Đối với Biên bản làm việc ngày 08/4/2003 mà bà M đề cập là Biên bản giao đất thực địa lần 2 theo Quyết định 898, trong biên bản các thành viên đều xác định, ngoài chỉ giới được giao theo Quyết định 898, ông Sinh còn tự ý trồng thêm một số cây lâm nghiệp (keo lá tràm, keo tai tượng) và cũng chính trên khu vực này thời gian sau đó gia đình bà M đã trồng thêm cây gỗ Sưa. Phần diện tích này là rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân thị trấn B quản lý, biên bản không đề cập đến việc giao cho ông Sinh khu đất này như ý kiến trình bày của người khởi kiện.

- Về việc ban hành Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 20/6/2024: Sau khi ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 15/QĐ-XPHC ngày 05/01/2024, Ủy ban nhân dân thị trấn B cũng đã nhận được các phiếu chuyển đơn: số 16/PC-VPCQCSĐT ngày 05/02/2024 của Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng; số 37-BBĐ/BTP-2024 ngày 12/3/2024 của Báo Tiền phong; số 653/PCĐ-CSKT(Đ3) của phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu và môi trường - Công an thành phố Hải Phòng về việc xem xét giải quyết đơn kêu cứu khẩn cấp của anh Vũ Quốc Đ (con trai bà Đặng Thị M).

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án hành chính và tổ chức đối thoại, Ủy ban nhân dân thị trấn B nhận thấy các bên có thiện chí giải quyết vụ việc nên đã chủ động rà soát lại toàn bộ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, trình tự ban hành Quyết định số 15/QĐ-XPHC và đã ban hành Quyết định số 173/QĐ-UBND hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính số 15 là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về việc ban hành Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 27/8/2024: Ngày 02/8/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 2151/QĐ-UBND về việc kiểm tra đột xuất việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với Ủy ban nhân dân thị trấn B trong đó có hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Đặng Thị M.

Trên cơ sở Kết luận số 2707/KL-UBND ngày 20/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện C về kiểm tra đột xuất việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B, ngày 27/8/2024 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B đã ban hành Quyết định số 222/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 20/6/2024, khôi phục Quyết định số 15/QĐ-XPHC ngày 05/01/2024 để thi hành là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn B công khai xin lỗi trên cổng thông tin của địa phương trong 03 ngày liên tiếp, bồi thường 30 triệu đồng do mất thu nhập và bồi thường thêm 3 tháng lương tối thiểu (7.020.000 đồng) do tổn thất tinh thần mà Quyết định số 15/QĐ-XPHC ngày 05/01/2024 đã gây ra đối với gia đình bà M, Ủy ban nhân dân thị trấn B không chấp nhận với lý do quá trình lập hồ sơ, ban hành Quyết định số 15/QĐ-XPHC ngày 05/01/2024, Ủy ban nhân dân thị trấn B đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định theo Luật xử lý vi phạm hành chính và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Vì vậy người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án anh Vũ Đình H và anh Vũ Quốc Đ thống nhất trình bày:

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B ban hành Quyết định 15/QĐ-XPHC đã vi phạm về thời hiệu, sai đối tượng, không có hành vi vi phạm, quá trình thực hiện cán bộ địa phương ra vào nhà bà M liên tục nên khách không muốn thuê nhà, tài khoản bị kiểm tra thì không thể giao dịch được, ảnh hưởng đến tinh thần, công việc kinh doanh của bà M, với trách nhiệm là các con nên anh H, anh Đ cũng phải lo lắng, đi lại ảnh hưởng đến công việc. Anh H, anh Đ đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện. Tại phiên tòa anh H và anh Đ đều xác định đã chuyển sinh sống làm việc ở nơi khác, sau khi ông Sinh mất chỉ có bà M là người trông coi, quản lý số cây gia đình đã trồng.

Căn cứ nội dung trên, tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 13/11/2024, Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định : Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 1 Điều 116, Điều 157; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194, điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ Điều 6; Điều 18; Điều 28; Điều 38; Điều 57; Điều 58; Điều 68 của Luật xử lý vi phạm hành chính; Căn cứ Điều 206 của Luật Đất đai 2013; Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 16

Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Căn cứ Thông tư 02/2023 ngày 24/8/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Điều 55 Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước. Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M về việc hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 15/QĐ-XPHC ngày 05/01/2024; hủy Quyết định hủy bỏ Quyết định số 173/QĐ-UBND về việc hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính số 222/QĐ-UBND ngày 27/8/2024; giữ nguyên Quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính số 173/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 của Chủ tịch UBND thị trấn B, huyện C, thành phố Hải Phòng. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M về việc buộc UBND thị trấn B công khai xin lỗi trong 03 ngày liên tiếp, bồi thường 30.000.000 đồng do mất thu nhập và bồi thường 03 tháng lương tối thiểu (7.020.000 đồng) do tổn thất tinh thần.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/11/2024 người khởi kiện bà M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vũ Quốc Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có quan điểm mặc dù bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về việc đưa thiếu người tham gia tố tụng là chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C, bỏ lọt đối tượng khởi kiện là Quyết định cưỡng chế số 403/QĐ-CCQĐHC ngày 07/11/2024 mà bà M yêu cầu giải quyết tại phiên tòa sơ thẩm tuy nhiên để tránh mất thời gian và chi phí của Nhà nước và nhân dân nên đề nghị Hội đồng xét xử không hủy bản án sơ thẩm mà sửa bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 15/QĐ-XPHC ngày 05/01/2024; hủy Quyết định hành chính số 222/QĐ-UBND ngày 27/8/2024; giữ nguyên Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân thị trấn B, huyện C, thành phố Hải Phòng về việc hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính và buộc Ủy ban nhân dân thị trấn B công khai xin lỗi trong 03 ngày liên tiếp, bồi thường 30.000.000 đồng do mất thu nhập và bồi thường 03 tháng lương tối thiểu (7.020.000 đồng) do tổn thất tinh thần.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Các đương sự về cơ bản thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung:

Mặc dù bản án sơ thẩm còn nhiều thiếu sót, đã vi phạm thủ tục tố tụng trong việc đưa thiếu người tham gia tố tụng, xem xét chưa đầy đủ toàn diện các Quyết định hành chính liên quan trong vụ án. Tuy nhiên xét thấy nội dung bản án cũng đã xem xét giải quyết các tất cả các Quyết định hành chính bị khởi kiện. Tại giai đoạn phúc thẩm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B có ý kiến hoàn toàn nhất trí với quan điểm của Ủy ban nhân dân thị trấn B như bản án sơ thẩm đã nêu. Việc xem xét thiếu Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 403/QĐ-CCXP ngày 07/11/2024 khi tại phiên tòa người khởi kiện mới yêu cầu, đối với yêu cầu này người khởi kiện có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu. Từ các nhận định trên và xem xét nội dung giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm, xét thấy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 13/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo, nên căn cứ Điều 241 Luật Tố tụng hành chính đề nghị HĐXX bác đơn kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 13/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện C.

Về án phí: theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

-Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 26/11/ 2024 bà M, anh Đ có đơn kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 13/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện C còn trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện Ủy ban nhân dân thị trấn C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện.

[1.2] Ngày 01/5/2024 bà Đặng Thị M có đơn khởi kiện hành chính yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 15/QĐ-XPHC ngày 05/01/2024; hủy Quyết định số 222/QĐ-UBND về việc hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính; giữ nguyên Quyết số 173/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, thành phố Hải Phòng về việc hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính, buộc Ủy ban nhân dân thị trấn B công khai xin lỗi trong 03 ngày liên tiếp, bồi thường 30.000.000 đồng do mất thu nhập và bồi thường 03 tháng lương tối thiểu (7.020.000 đồng) do tổn thất tinh thần. Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền và vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và một số các Quyết định hành chính khác có liên quan đến Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, buộc Ủy ban nhân dân thị trấn B phải thực hiện việc bồi thường và công khai xin lỗi người khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định người bị kiện là Ủy ban nhân dân thị trấn B và đã không đưa chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B vào tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện mà chỉ tham gia với tư cách là người đại diện theo pháp luật của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thị trấn B. Tuy nhiên quá trình xem xét giải quyết vụ án xét thấy nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C đã xem xét giải quyết các Quyết định hành chính bị kiện gồm Quyết định số 15/QĐ-XPHC ngày 05 tháng 01 năm 2024, Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2024 và Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, thành phố Hải Phòng, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B cũng đã có quan điểm đối với các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, việc không đưa Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B vào tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện là thiếu sót của bản án sơ thẩm tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B đồng thời cũng là người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thị trấn B cùng thực hiện nhiệm vụ công vụ của nhà nước giao cho chính quyền cơ sở, bản thân Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B trực tiếp tham gia vụ án, đã có quan điểm của mình trong việc ban hành các Quyết định hành chính bị khởi kiện, do vậy việc không đưa Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B tham gia với tư cách là người bị kiện cũng không làm thay đổi bản chất của nội dung vụ án, không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm mà vẫn đảm bảo giải quyết được quyền và lợi ích của các đương sự trong vụ án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đã trình bày.

[1.4] Tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện có yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết hủy Quyết định cưỡng chế số 403/QĐ-UBND ngày 07/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B. Hội đồng xét xử xét thấy đối với Quyết định Cưỡng chế số 403/QĐ-UBND được ban hành trong quá trình Tòa án nhân dân huyện C đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử và đang trong thời gian hoãn phiên tòa, tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện có yêu cầu Tòa án giải quyết đối với Quyết định này, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã không thụ lý giải quyết đối với yêu cầu này là chưa xem xét đầy đủ toàn diện đối với vụ án, tuy nhiên Quyết định cưỡng chế được ban hành vào ngày 07/11/2024 là thời điểm mà Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa vụ án ra xét xử và đang hoãn phiên tòa. Việc tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu này của người khởi kiện cũng không làm mất đi quyền khởi kiện của người khởi kiện và với yêu cầu này người khởi kiện có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để xem xét giải quyết đối với Quyết định cưỡng chế số 403/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B bằng một vụ án khác để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

[1.5] Tòa án cấp sơ thẩm khi nhận được đơn kháng cáo từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Quốc Đ NH không ra thông báo để anh Đ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà đã tiến hành các thủ tục kháng cáo đối với đơn kháng cáo của anh Đ, đây cũng là thiếu sót của tòa án cấp sơ thẩm, tuy nhiên thiếu sót này cấp phúc thẩm có thể khắc phục được tại giai đoạn xét xử phúc thẩm nên sẽ quyết định khi giải quyết vụ án.

- Xét đơn kháng cáo của bà Đặng Thị M và anh Vũ Quốc Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Về trình tự ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện: Ngày 29 tháng 4 năm 2004, Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng đã có Quyết định số 1271/QĐ-UBND thu hồi 110.000m² đất tại Áng Khe Thùng, thị trấn B, huyện C và giao lại cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển rừng và kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái Hà Phú thuê để thực hiện dự án xây dựng Làng du lịch Áng Khe Thùng, toàn bộ cây cối hoa màu của ông Sinh đã được kiểm kê bồi thường, ông Vũ Văn Sinh đã nhận đầy đủ số tiền bồi thường 428.156.754 đồng theo Giấy nhận tiền có chữ ký của ông Vũ Văn Sinh, giám đốc Công ty cổ phần đầu tư phát triển rừng và Kinh doanh dịch vụ du lịch Sinh thái Hà Phú, đại diện Ban đền bù Thành phố và chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B thời điểm năm 2004 và tại biên bản xác nhận ngày 22/6/2004 thể hiện nội dung ông Vũ Văn Sinh đã bàn giao lại cho dự án của Công ty Hà Phú theo Quyết định 1271/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng gồm các hạng mục đền bù. Ngày 15/7/2004 Sở tài nguyên và Môi trường đã ban hành đã ban hành Quyết định số 138/QĐ/STN&MT về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 110.000m² đất thuê cho Công ty Cổ phần đầu tư phát triển rừng và kinh doanh dịch vụ du lịch

sinh thái Hà Phú để xây dựng Làng du lịch Áng Khe Thùng với thời gian sử dụng đất là 30 năm kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2004. Ngày 11 tháng 4 năm 2017, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 806/QĐ-UBND về việc thu hồi 110.000m² đất thuê của Công ty cổ phần đầu tư phát triển rừng và kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái Hà Phú tại thị trấn B, huyện C do người sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai và giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở tài nguyên và Môi trường quản lý, Ngày 04/8/2020 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 2366/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Vũ Văn Sinh, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1202.030.QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 07/12/2000 kèm theo Quyết định số 898/QĐ-UB ngày 07/12/2000.

[2.1] Tại Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất khu vực Áng Khe Thùng ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn B xác định có 350 cây Sưa đường kính từ 05cm đến 12cm, vị trí trồng cây gồm có một phần nằm trong diện tích 110.000m² đất thuộc loại đất phi nông nghiệp diện tích 134,5m² = 0,013ha do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng quản lý, một phần nằm trong đất rừng phòng hộ với diện tích đất 940,7m² = 0,094 ha do Ủy ban nhân dân thị trấn B quản lý.

Ngày 26/11/2023 Ủy ban nhân dân thị trấn B tiến hành lập biên bản làm việc ghi nhận việc tiến hành kiểm tra sử dụng đất của gia đình bà Đặng Thị M tại khu vực Áng Khe Thùng đã phát hiện gia đình bà Đặng Thị M đang sử dụng tổng diện tích đất là 1.075,2m² và đã trồng cây Sưa trên diện tích 134,5m² nằm trong diện tích 110.000m² do Trung tâm phát triển quỹ đất Sở Tài nguyên môi trường Hải Phòng quản lý và 940,7m² đất rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân thị trấn B quản lý và đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC ngày 26/11/2023 về lĩnh vực đất đai xác định bà Đặng Thị M có hành vi vi phạm hành chính: "Vào hồi 15 giờ 30 phút, ngày 26/11/2023 tại khu vực Áng Khe Thùng, thị trấn B, huyện C, thành phố Hải phòng đã phát hiện gia đình bà Đặng Thị M có hành vi, vi phạm hành chính, cụ thể gia đình bà M đã trồng cây Sưa trên diện tích 1.075,2m² (trong đó: Diện tích 134,5m² nằm trong diện tích 110.000m² do Trung tâm phát triển quỹ đất Sở TN-MT Hải Phòng quản lý và 940,7m² đất rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân thị trấn B quản lý) được quy định tại điểm c, khoản 3, điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 07/12/2023 tại biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân thị trấn B bà M thừa nhận số lượng 350 cây Sưa được gia đình bà M mua tại trung tâm cây giống Hà Nội và trồng trên diện tích đất khoảng 1.000m² khi ông Sinh còn sống. Năm 2021 ông Sinh mất, bà M vẫn tiếp tục trông coi, bảo vệ số cây trồng trên khu đất đó.

Ngày 26/12/2023 Trung tâm phát triển quỹ đất sở Tài nguyên môi trường đã ban hành công văn số 6742/STNMT-TTPTQĐ xác định từ ngày 10/11/2023 đến ngày 23/11/2023, tổ công tác đã thực hiện kiểm đếm, rà soát, phân loại toàn bộ cây trồng nằm trong khuôn viên 110.000m² đất do Trung tâm phát triển quỹ đất đang quản lý, kết quả tổng số cây hiện có là 2.989 cây gồm 2.613 cây đã có trong phương án bồi thường, 376 cây phát sinh không trong phương án bồi thường.

[2.2] Tại Biên bản xác minh số 01/BB-XM ngày 05/01/2024 xác định: “Qua rà soát hồ sơ bồi thường hỗ trợ năm 2004, trong phần cây cối hoa màu được tổ công tác kiểm đếm lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng theo Quyết định số 67/QĐ-STN-MT ngày 11/5/2004 của Sở Tài nguyên và Môi trường (gồm đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường, đại diện ban đền bù thành phố, đại diện phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện C, đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn B) trong bảng kê số lượng cây cối hoa màu của gia đình ông Vũ Văn Sinh tại thời điểm kiểm kê là 12.794 cây. Tại biên bản làm việc ngày 18/10/2023 Ủy ban nhân dân thị trấn tiến hành kiểm tra việc sử dụng đất tại Áng Khe Thùng có 350 cây Sưa trong đó có 154 cây trồng trên rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân thị trấn B quản lý và 196 cây Sưa trồng trong khuôn viên khu đất 110.000m² thuộc loại đất phi nông nghiệp do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng quản lý. Tài liệu kiểm kê ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Trung tâm quỹ đất của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng ngoài 2.613 cây đã có trong phương án được duyệt còn có tổng 376 cây phát sinh thêm gồm 196 cây Sưa và 180 cây khác như quất hồng bì, keo, nhãn, chuối, lát, bưởi, ... được trồng trên diện tích 110.000m² thuộc loại đất phi nông nghiệp (đất du lịch dịch vụ) do Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng quản lý. Tại biên bản làm việc tuyên truyền vận động ngày 19/12/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn B với bà Đặng Thị M đã ghi nhận ông Sinh trồng 350 cây Sưa năm 2015.

[3] Mặc dù người khởi kiện cho rằng toàn bộ số cây này là do chồng bà ông Vũ Văn Sinh là người trực tiếp trồng năm 2015 có sự phụ giúp của các con bà, từ sau năm 2021 ông Sinh chết bà M chỉ là người tiếp tục trông nom gìn giữ, hành vi trồng cây này đã diễn ra từ rất lâu, cứ cho là có việc trồng cây thì đến nay cũng không còn thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính và việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B xác định bà M là người thực hiện hành vi vi phạm hành chính là không đúng. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/01/2019 thì hành vi tiếp tục trông giữ 196 cây Sưa trồng trên diện tích đất của Trung tâm phát triển quỹ đất Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng quản lý và 154 cây Sưa trồng trên diện tích 940,7m² đất rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân thị trấn B quản lý của bà M là hành vi gây cản trở cho việc sử dụng đất của người khác (đất đã được

giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất sở Tài nguyên Môi trường Hải Phòng và Ủy ban nhân dân thị trấn B theo Quyết định số 806/QĐ/UB ngày 11/4/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng) nên được xác định hành vi đang thực hiện nên thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là 02 năm kể từ khi người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm. Do vậy người khởi kiện cho rằng đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là không có căn cứ, vì vậy việc chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B đã căn cứ quy định tại Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính, căn cứ khoản 1 Điều 16 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, ngày 15/01/2024 đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 15/QĐ-XPHC đối với bà Đặng Thị M với hành vi “Đưa các vật khác lên thửa đất của người khác gây cản trở cho việc sử dụng đất của người khác”, hình thức xử phạt là Cảnh cáo kèm biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm là đúng quy định tại các Điều 57, Điều 58, Điều 66, Điều 67 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 1, khoản 4 Điều 16 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Sau khi ban hành Quyết định số 15/QĐ-XPHC ngày 05/01/2024, xét thấy việc ban hành quy định còn có thiếu sót nên Chủ tịch UBND thị trấn B ban hành Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 hủy bỏ quyết định số 15/QĐ-XPHC là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính. Ngày 27/8/2024, Chủ tịch UBND thị trấn B tiếp tục ban hành Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 27/8/2024 về việc hủy bỏ Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B để khôi phục đưa ra thi hành quyết định số 15/QĐ-XPHC ngày 05/01/2024 là đúng thẩm quyền. Xét việc sau khi ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quá trình thực hiện xét thấy cần sửa đổi, bổ sung hoặc thu hồi thì người có thẩm quyền có quyền ký ban hành các quyết định hành chính để điều chỉnh, như vậy việc Chủ tịch UBND thị trấn C ban hành Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 hủy bỏ quyết định số 15/QĐ-XPHC và Quyết định số 222/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B là hoàn toàn phù hợp pháp luật, đúng quy định tại các Điều 38; Điều 57, Điều 58; Điều 66; Điều 67 và Điều 68 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 1, khoản 4 Điều 16 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định, nội dung của các quyết định hoàn toàn đúng và phù hợp các quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B ban hành các quyết định hành chính số 15/QĐ-

XPHC ngày 05/01/2024; Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 27/8/2024 về việc hủy bỏ Quyết định số 173/QĐ-UBND về việc hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Đặng Thị M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vũ Quốc Đ; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bà Đặng Thị M và anh Vũ Quốc Đ không được chấp nhận nên bà M và anh Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Bà Đặng Thị M là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện bà Đặng Thị M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vũ Quốc Đ; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024 ngày 13/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Đặng Thị M;

Anh Vũ Quốc Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân huyện C;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án huyện C;
- Ủy ban nhân dân huyện C;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hải Yến

